TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/3/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Ông Nguyễn Tấn Để

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Mai L**, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Vũ L1**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, chị và anh Nguyễn Vũ L1 tự tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị và anh L1 chung sống được 9 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy

nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 đến nay, còn anh L1 thì sống chung với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã cho nhiều cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả, hiện nay tình cảm không còn, chị và anh L1 không thể cùng nhau xây dựng cuộc sống chung. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh L1 là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh L1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định chị và anh L1 không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định chị và anh L1 không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Vũ L1 vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh L1 vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị Mai L và anh Vũ L1 là vợ chồng; về con chung không có nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh L1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị Mai L và anh Vũ L1 tự tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ

năm 2017 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị L1 cho rằng anh chị chung sống với nhau được 9 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2018 đến nay, anh L1 thì sống chung với người phụ nữ khác. Còn anh L1 vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị Mai L và anh Vũ L1 có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, Ban lãnh đạo ấp T cũng xác nhận anh chị ly thân nhiều năm. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị L đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh L1, chị vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh L1 là vợ chồng. Xét thấy, chị Mai L và anh Vũ L1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai L và anh Vũ L1.

[4] Về con chung: Chị L xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: chị L xác định anh chị không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mai L và anh Nguyễn Vũ L1.

2. Về con chung: Chị L xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Chị L xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0000950 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh